TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST Ngày 26 tháng 6 năm 2024 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tếnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Việt

2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Tường Thị Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2024 về xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm 2002. NĐKHKTT: Bản S, L, xã ChCh, huyện M S, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn C, sinh năm 2000. NĐKHKTT: Bản S L, xã ChChăn, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 02 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị N trình bày như sau:

Chị và anh Hoàng Văn C kết hôn với nhau từ năm 2021, do cả hai cùng tự nguyện không bên nào bị ép buộc và có đi đăng ký kết hôn theo quy định và đã được UBND

xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận vào ngày 23/8/2021, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, hay sảy ra cãi cọ, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc dù anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải khuyên bảo nhưng không thành. Sau đó anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2024. Nay chị xác nhận không còn tình cảm với anh C nữa, nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Đức M, sinh ngày 24/04/2019. Nguyện vọng của chị sau khi ly hôn mong muốn được nuôi dưỡng cháu Mạnh cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Nếu được nuôi dưỡng chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị xác nhận anh chị không có tài sản chung, nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác nhận anh chị không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho bị đơn anh Hoàng Văn C về địa chỉ bản Sài Lương, xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn (nơi anh C cư trú). Tuy nhiên, anh C không có mặt tại Tòa án làm việc và không gửi văn bản thể hiện ý kiến về việc chị Hà Thị N xin ly hôn với anh. Tòa án đã tiến hành xác minh, xác định anh Hoàng Văn C đã nhận được các thông báo của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc. Căn cứ Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và tài sản chung, nợ chung của chị N và anh C. Đồng thời, đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Sau khi thẩm phán thông qua nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 51, khoản 1

Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn C.Về con chung: Giao cháu Hoàng Đức Mạnh, sinh ngày 24/04/2019 cho chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N do chị N chưa yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Hoàng Văn C có địa chỉ tại: Bản Sài Lương, xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn cố tình không có mặt tại Tòa án, không gửi văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm về việc khởi kiện cho Tòa án có căn cứ xem xét giải quyết vụ án. Trong khi, qua xác minh thể hiện bị đơn đã biết được nội dung chị N xin ly hôn tại Tòa án, thời gian và địa điểm Tòa án triệu tập làm việc. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn C.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn C tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2021, anh chị đã được UBND xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/8/2021. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị N, mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về tích cách và quan điểm sống, vợ chồng

không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ tháng 1/2024 đến nay. Hiện tại, chị xác định không thể duy trì cuộc sống hôn nhân với anh C nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân, mẫu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C xác định chị N và anh C điều có hộ khẩu tại bản Sài Lương xã Chiềng Chăn. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xác minh với đại diện ban quản lý bản Sài Lương, xã Chiềng Chăn, đại diện gia đình anh C và gia đình chị N xác định: Chị N và anh C chung sống cùng nhau từ năm 2020 đến năm 2021 thì anh chị mới đi đăng ký kết hôn, vợ chồng sảy ra mâu thuẫn là do hai vợ chồng đi làm thuê ở Hưng Yên được mấy tháng anh C không làm bỏ về nhà chỉ còn mình chị N đi làm, chị N cho rằng anh C lười làm không chăm lo cho gia đình. Tháng 9/2023 chị N về nhưng không chung sống cùng anh C nữa mà về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và hai vợ chồng sống ly thân. Sau đó chị N cũng có đơn nộp ra bản xin ly hôn . Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Hoàng Văn C.

[2.2] Về con chung: Các tài liệu chị N cung cấp và xác định của gia đình anh C khẳng định trong thời gian hôn nhân, chị N và anh C có 01 con chung là Hoàng Đức Mạnh, sinh ngày 24/04/2019. Trong thời gian ly thân, cháu Mạnh sống cùng anh C và ông bà nội ở Chiềng Chăn. Nội dung này được đại diện ban quản lý tiểu khu và đại diện gia đình anh C khẳng định. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, anh C không đến Tòa cũng khong gửi văn bản thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử, xét thấy chị N cũng có công việc ổn định thu nhập ổn mỗi tháng là 9.000.000đ/ 1 tháng. Anh C làm lao động tự do công việc không ổn định, để đảm bảo quyền lợi cho cháu cần giao cháu cho chị N nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khẳng định không có tài sản chung và nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề này. Qua xác minh cũng xác định anh chị không có tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn C

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Đức Mạnh, sinh ngày 24/4/2019 cho chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N do chị N không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000299 ngày 01 tháng 03 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;*
- *Chi cục THADS huyện Mai Sơn;*
- *Các đương sự.*
- *Ủy ban nhân dân xã Chiềng Chăn;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tráng A Tếnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA